TT	MSSV	Họ	Tên	Đơn vị	Ngành học
1	18104001	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
2	18104002	Trần Hoàng	Cúc	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
3	18104003	Cao Thị Thùy	Dung	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
4	18104004	Đoàn Thị Cẩm	Duyên	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
5	18104012	Hoàng Thị	Hoa	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
6	18104013	Phạm Cao Thị	Hoà	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
7	18104018	Nguyễn Ngọc Thi	Hương	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
8	18104019	Trần Diệu Mai	Hương	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
9	18104024	Nguyễn Đức Thùy	Liên	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
10	18104025	Lương Việt Hoàng	Linh	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
11	18104029	Trịnh Thị	Mơ	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
12	18104030	Nguyễn Thị Mi	Na	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
13	18104031	Lê Thị	Nam	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
14	18104033	Mã Ngô Thúy	Ngân	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
15	18104034	Võ Thị Kim	Ngân	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
16	18104035	Nguyễn Trần Như	Ngọc	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
17	18104037	Huỳnh Thị Ngọc	Oanh	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
18	18104038	Danh Thị Hồng	Phấn	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
19	18104039	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
20	18104041	Lê Thị Diệu	Tâm	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
21	18104042	Nguyễn Phương	Thảo	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
22	18104044	Hồ Thị Kim	Thoa	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
23	18104045	Trần Thị Yến	Thơ	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
24	18104047	Đoàn Minh	Thư	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
25	18104050	Huỳnh Thị Kiều	Tiên	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
26	18104051	Nguyễn Phan Thanh	Tiền	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
27	18104053	Trần Thị Kiều	Trang	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
28	18104054	Trần Thị Thu	Trâm	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
29	18104059	Nguyễn Thị	Uyên	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
30	18104061	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
31	18104062	Thy Nhật Tường	Vy	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp
32	18143244	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Công nghệ chế tạo máy
33	18143334	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Công nghệ chế tạo máy
34	18146302	Nguyễn Ngọc Phương	Hoa	Cơ Khí Chế Tạo Máy	CN kỹ thuật cơ điện tử
35	18146303	Phạm Lệ Hồng	Hoa	Cơ Khí Chế Tạo Máy	CN kỹ thuật cơ điện tử
36	18146344	Võ Ngọc	My	Cơ Khí Chế Tạo Máy	CN kỹ thuật cơ điện tử
37	18146351	Lê Kim	Nhi	Cơ Khí Chế Tạo Máy	CN kỹ thuật cơ điện tử
38	18146368	Tống Thị Phương	Thanh	Cơ Khí Chế Tạo Máy	CN kỹ thuật cơ điện tử
39	18145323	Trần Võ Tâm	Duyên	Cơ Khí Động Lực	Công nghệ kỹ thuật ô tô
40	18145406	Huỳnh Thị Mỹ	Ngọc	Cơ Khí Động Lực	Công nghệ kỹ thuật ô tô
41	18145413	Hoàng Thị Yến	Nhi	Cơ Khí Động Lực	Công nghệ kỹ thuật ô tô
42	18145466	Nguyễn Thị	Thư	Cơ Khí Động Lực	Công nghệ kỹ thuật ô tô

TT	MSSV	Họ	Tên	Đơn vị	Ngành học
43	18147185	Đinh Hoàng Thúy	Hằng	Cơ Khí Động Lực	Công nghệ kỹ thuật nhiệt
44	18147187	Nguyễn Thị Xuân	Hiền	Cơ Khí Động Lực	Công nghệ kỹ thuật nhiệt
45	18147199	Thạch Thị Thúy	Kiều	Cơ Khí Động Lực	Công nghệ kỹ thuật nhiệt
46	18147217	Lê Thị Xuân	Như	Cơ Khí Động Lực	Công nghệ kỹ thuật nhiệt
47	18147250	Lê Thị	Trang	Cơ Khí Động Lực	Công nghệ kỹ thuật nhiệt
48	18104009	Trần Thị Ngọc	Hân	ĐT chất lượng cao	CN kỹ thuật cơ điện tử
49	18143053	Lê Thụy Tường	Vân	ĐT chất lượng cao	Công nghệ chế tạo máy
50	18143068	Vũ Thị	Chiêm	ĐT chất lượng cao	Công nghệ chế tạo máy
51	18143120	Lê Thị Thanh	Ngân	ĐT chất lượng cao	Công nghệ chế tạo máy
52	18143124	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	ĐT chất lượng cao	Công nghệ chế tạo máy
53	18143156	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	ĐT chất lượng cao	Công nghệ chế tạo máy
54	18143170	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	ĐT chất lượng cao	Công nghệ chế tạo máy
55	18143192	Trần Nhật	Vy	ĐT chất lượng cao	Công nghệ chế tạo máy
56	18144001	Bùi Thị Khôi	An	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
57	18144003	Nguyễn Trâm	Anh	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
58	18144042	Hồ Thị Yến	Nhi	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
59	18144055	Lê Hồng	Trà	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
60	18144119	Nguyễn Thị Kim	Liên	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
61	18144145	Cao Thị Bé	Ngọc	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
62	18144148	Trần Thị Thúy	Ngọc	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
63	18144182	Nguyễn Thị	Thuận	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
64	18145043	Lê Nguyễn Danh	Nguyên	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật ô tô
65	18145065	Lưu Minh	Thư	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật ô tô
66	18145066	Vũ Thị Thủy	Tiên	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật ô tô
67	18145136	Vũ Quốc	Huy	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật ô tô
68	18145154	Lê Thị Hồng	Khanh	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật ô tô
69	18145195	Ninh Cao Thanh	Nhi	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật ô tô
70	18145233	Hoàng Phương	Thảo	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật ô tô
71	18145254	Phan Minh	Thu	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật ô tô
72	18145284	Trần Trúc	Uyên	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật ô tô
73	18146004	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	ĐT chất lượng cao	CN kỹ thuật cơ điện tử
74	18146048	Nguyễn Hồng Ý	Nhi	ĐT chất lượng cao	CN kỹ thuật cơ điện tử
75	18146178	Nguyễn Thị Kim	Ngân	ĐT chất lượng cao	CN kỹ thuật cơ điện tử
76	18146235	Lê Ngọc	Trâm	ĐT chất lượng cao	CN kỹ thuật cơ điện tử
77	18146253	Trương Nhật	Uyên	ĐT chất lượng cao	CN kỹ thuật cơ điện tử
78	18146262	Nguyễn Phạm Thúy	Vy	ĐT chất lượng cao	CN kỹ thuật cơ điện tử
79	18147010	Bùi Thị Thu	Hằng	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật nhiệt
80	18147013	Lê Thị Trúc	Hiệp	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật nhiệt
81	18147031	Lê Thị Hồng	Phượng	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật nhiệt
82	18147052	Trương Thị Kim	Chi	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật nhiệt
83	18147115	Trần Nguyễn Ái	Ngân	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật nhiệt
84	18147146	Phạm Khả	Thy	ĐT chất lượng cao	Công nghệ kỹ thuật nhiệt

TT	MSSV	Họ	Tên	Đơn vị	Ngành học
85	18149011	Dương Gia	Hân	ĐT chất lượng cao	CNKT công trình xây dựng
86	18149013	Nguyễn Kim	Hoàng	ĐT chất lượng cao	CNKT công trình xây dựng
87	18149082	Phạm Thị Thu	Hiền	ĐT chất lượng cao	CNKT công trình xây dựng
88	18149133	Đặng Thị Thanh	Nga	ĐT chất lượng cao	CNKT công trình xây dựng
89	18149134	Bùi Thị	Ngát	ĐT chất lượng cao	CNKT công trình xây dựng
90	18149141	Nguyễn Thị Đình	Nhi	ĐT chất lượng cao	CNKT công trình xây dựng
91	18149176	Đào Ngọc	Thủy	ĐT chất lượng cao	CNKT công trình xây dựng
92	18149188	Trần Thị Diễm	Trinh	ĐT chất lượng cao	CNKT công trình xây dựng
93	18149209	Trần Thị Tuyết	Xuân	ĐT chất lượng cao	CNKT công trình xây dựng
94	18127055	Nguyễn Thị	Thu	Xây dựng	KTXD công trình giao thông
95	18149223	Phạm Thùy	Châu	Xây dựng	CNKT công trình xây dựng
96	18149252	Nguyễn Thị Thúy	Huỳnh	Xây dựng	CNKT công trình xây dựng
97	18149261	Trương Tiểu	Lệ	Xây dựng	CNKT công trình xây dựng
98	18149262	Trương Thị Thùy	Linh	Xây dựng	CNKT công trình xây dựng
99	18149278	Trần Thị Hồng	Nguyên	Xây dựng	CNKT công trình xây dựng
100	18149320	Phan Thị	Thỏa	Xây dựng	CNKT công trình xây dựng
101	18149327	Nguyễn Lê Bảo	Trâm	Xây dựng	CNKT công trình xây dựng
102	18149328	Lê Nguyệt	Trân	Xây dựng	CNKT công trình xây dựng
103	18149329	Trần Thị Bảo	Trân	Xây dựng	CNKT công trình xây dựng
104	18149342	Trần Thị Cẩm	Tú	Xây dựng	CNKT công trình xây dựng
105	18149344	Trần Thị Mỹ	Vân	Xây dựng	CNKT công trình xây dựng